

IBBS VÒNG II

Giám sát Kết hợp
Hành vi và Các chỉ số
Sinh học HIV/STI

Tóm lược kết quả tại
HẢI PHÒNG

Chương trình giám sát kết hợp hành vi và các chỉ số sinh học HIV/STI (IBBS) tại Việt Nam được thiết kế nhằm ước tính và theo dõi sự thay đổi về chiều hướng hiện nhiễm HIV, các nhiễm trùng lây truyền qua đường tình dục (STI), các hành vi nguy cơ và mức độ tiếp cận các chương trình can thiệp trong các nhóm quần thể nguy cơ cao nhiễm HIV. Đây là một trong những tài liệu nằm trong bộ báo cáo tóm tắt của IBBS. Giám sát được thực hiện qua hai vòng, vòng I vào năm 2006 và vòng II vào năm 2009.



Tỷ lệ hiện nhiễm HIV ở mức rất cao trong nhóm tiêm chích ma túy và phụ nữ mại dâm đường phố

Năm 2009, tỷ lệ hiện nhiễm HIV trong nhóm tiêm chích ma túy (TCMT) tại Hải Phòng vẫn cao ở mức 48%. Tuy nhiên, tỷ lệ này đã giảm so với năm 2006. Tỷ lệ hiện nhiễm cũng ở mức cao là 23% trong nhóm phụ nữ mại dâm đường phố (MDĐP) và 11.7% trong nhóm phụ nữ mại dâm nhà hàng (MDNH). Trong nhóm nam quan hệ tình dục đồng giới (MSM), có sự khác biệt về tỷ lệ hiện nhiễm HIV giữa nhóm bán dâm (14.8%) và nhóm không bán dâm (16.6%) (Biểu đồ 1).

Mặc dù hành vi tình dục an toàn tự báo cáo được cải thiện, tỷ lệ hiện nhiễm HIV trong nhóm phụ nữ mại dâm vẫn cao hơn trong năm 2009

Tại Hải Phòng, tỷ lệ sử dụng bao cao su (BCS) thường xuyên với khách quen của PNMD đã có sự cải thiện. Năm 2009, tỷ lệ này ở mức xấp xỉ 80%, cao hơn khoảng 20% so với năm 2006. Tỷ lệ sử dụng BCS thường xuyên với bạn tình thường xuyên năm 2009 cũng cao hơn năm 2006, nhưng vẫn còn ở mức thấp (Biểu đồ 2).

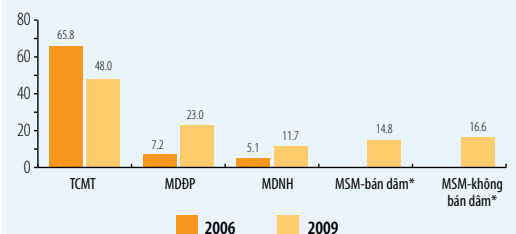
Tỷ lệ tiêm chích ma túy cao trong nhóm MDĐP có thể làm tăng nguy cơ nhiễm HIV trong nhóm MDĐP. Tỷ lệ này cao hơn so với năm 2006, khi chỉ có 7.2% MDĐP báo cáo có tiêm chích ma túy (Biểu đồ 2). Trong tổng số 12 tỉnh thành tham gia nghiên cứu, Hải Phòng có tỷ lệ MDĐP đã từng tiêm chích ma túy cao nhất, ở mức 17.7%.

Chương trình bơm kim tiêm sạch phát huy hiệu quả trong năm 2009

Trong tất cả các tỉnh thành tham gia nghiên cứu, Hải Phòng có tỷ lệ sử dụng chung bơm kim tiêm (BKT) thấp nhất. Chỉ 7.3% người TCMT báo cáo sử dụng chung bơm kim tiêm trong năm 2009, thấp hơn mức 15.3% năm 2006. Tỷ lệ người TCMT tiếp cận với các chương trình can thiệp khác như khuyến khích tình dục an toàn, tư vấn xét nghiệm tự nguyện cũng được cải thiện so với năm 2006 (Biểu đồ 3).

Biểu đồ 1:

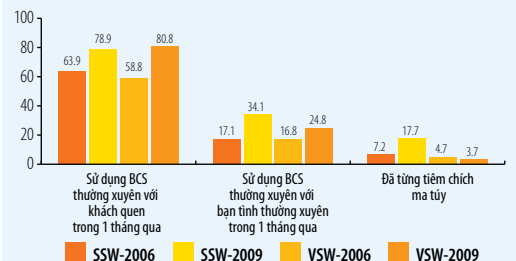
Tỷ lệ nhiễm HIV trong các nhóm quần thể nghiên cứu tại Hải Phòng, IBBS 2006 & 2009 *



* Không có số liệu MSM 2006 tại Hải Phòng

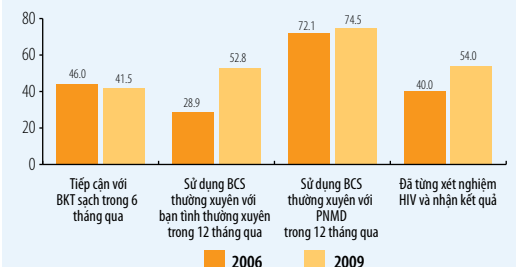
Biểu đồ 2:

Hành vi nguy cơ trong nhóm PNMD tại Hải Phòng, IBBS 2006 & 2009



Biểu đồ 3:

tiếp cận với chương trình can thiệp trong nhóm TCMT tại Hải Phòng, IBBS 2006 & 2009



IBBS là sáng kiến được thực hiện bởi các cơ quan dưới đây:



Viện Vệ sinh Dịch tễ Trung Ương (NIHE) | Cục Phòng chống HIV/AIDS (VAAC) | FHI 360 | Văn phòng Liên hợp quốc Phòng chống Ma túy và Tội phạm (UNODC) | Cơ quan Hợp tác và Phát triển Quốc tế Hoa Kỳ (USAID) | Trung tâm Dự phòng và Kiểm soát Bệnh tật Hoa Kỳ (CDC).

Ấn phẩm IBBS được xuất bản với sự hỗ trợ từ nhân dân Mỹ thông qua Cơ quan Hợp tác và Phát triển Quốc tế Hoa Kỳ (USAID) và Trung tâm Dự phòng và Kiểm soát Bệnh tật Hoa Kỳ (CDC), các tác giả chịu trách nhiệm hoàn toàn về nội dung và nội dung này không nhất thiết phản ánh quan điểm của USAID, CDC hay Chính phủ Hoa Kỳ.

Tóm lược kết quả tại HẢI PHÒNG

Chương trình giám sát kết hợp hành vi và các chỉ số sinh học HIV/STI (IBBS) được thực hiện tại Hải Phòng vào năm 2006 và 2009. Người tham gia nghiên cứu được lựa chọn thông qua phương pháp chọn mẫu dây chuyền có kiểm soát đối với nhóm nam quan hệ tình dục đồng giới và phương pháp chọn mẫu cụm thời gian đối với nhóm phụ nữ mại dâm và tiêm chích ma túy.

Các chỉ số chính	2006 (%)		2009 (%)	
Nhóm tiêm chích ma túy	(n= 301)		(n= 300)	
Tỷ lệ hiện nhiễm HIV	65.8%		48.0%	
Tỷ lệ hiện nhiễm Giang mai	1.7%		1.7%	
Tỷ lệ sử dụng chung bơm kim tiêm trong 6 tháng qua	15.3%		7.4% (n= 299)	
Tỷ lệ tiếp cận bơm kim tiêm sạch miễn phí trong 6 tháng qua	46.0% (n= 300)		41.5% (n= 299)	
Tỷ lệ sử dụng BCS thường xuyên với PNMD trong 12 tháng qua	72.1% (n= 43)		74.5% (n= 47)	
Tỷ lệ sử dụng BCS thường xuyên với bạn tình thường xuyên trong 12 tháng qua	28.9% (n= 83)		52.8% (n= 91)	
Tỷ lệ tiếp cận BCS miễn phí/giá rẻ trong 6 tháng qua	26.7% (n= 120)		36.9% (n= 138)	
Tỷ lệ xét nghiệm HIV tại Trung tâm Tư vấn và Xét nghiệm Tự nguyện (VCT) và nhận kết quả trong 12 tháng qua	23.6%		31.3%	
Nhóm phụ nữ mại dâm	MDNH (n= 274)	MDĐP (n= 279)	MDNH (n=300)	MDĐP (n= 300)
Tỷ lệ hiện nhiễm HIV	5.1%	7.2%	11.7%	23.0%
Tỷ lệ hiện nhiễm Giang mai	2.2%	3.2%	0.7%	0.7%
Tỷ lệ sử dụng BCS thường xuyên với khách lạ trong 1 tháng qua	77.2% (n= 246)	75.4% (n= 252)	90.5% (n= 284)	88.9% (n= 288)
Tỷ lệ sử dụng BCS thường xuyên với khách hàng quen trong 1 tháng qua	58.8% (n= 228)	63.9% (n= 249)	80.8% (n= 271)	78.9% (n= 227)
Tỷ lệ sử dụng BCS thường xuyên với bạn tình thường xuyên trong 1 tháng qua	16.8% (n= 119)	17.1% (n= 117)	24.8% (n= 114)	34.1% (n= 84)
Tỷ lệ tự báo cáo có tiêm chích ma túy	4.7%	7.2%	3.7%	17.7%
Tỷ lệ tiếp cận BCS miễn phí/giá rẻ trong 6 tháng qua	61.0%	63.8%	83.0%	83.6% (n= 298)
Tỷ lệ xét nghiệm HIV tại Trung tâm Tư vấn và Xét nghiệm Tự nguyện (VCT) và nhận kết quả trong 12 tháng qua	9.9%	10.4%	46.0%	43.3%
Nhóm nam quan hệ tình dục đồng giới			Bán dâm (n= 113)	Không bán dâm (n= 284)
Tỷ lệ hiện nhiễm HIV			14.8%	16.6%
Tỷ lệ hiện nhiễm Giang mai			0%	0.5%
Tỷ lệ hiện nhiễm Lậu				
	Sinh dục Trực tràng		0%	0%
			0%	2.9%
Tỷ lệ hiện nhiễm Chlamydia				
	Sinh dục Trực tràng		0%	1.6%
			0%	3.2%
Tỷ lệ sử dụng BCS thường xuyên với khách hàng trong 1 tháng qua			20.0% (n= 25)	0%
Tỷ lệ sử dụng BCS thường xuyên với bạn tình nam giới trong 1 tháng qua			13.0% (n= 23)	43.8% (n= 292)
Tỷ lệ tự báo cáo có tiêm chích ma túy			11.1%	1.3%
Tỷ lệ tiếp cận BCS miễn phí/giá rẻ trong 6 tháng qua			7.4%	30.6% (n= 372)
Tỷ lệ xét nghiệm HIV tại Trung tâm Tư vấn và Xét nghiệm Tự nguyện (VCT) và nhận kết quả trong 12 tháng qua			28.8% (n= 400)	

IBBS Vòng II: Giám sát Kết hợp Hành vi và Các chỉ số Sinh học HIV/STI